TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/5/2024.
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Tuyền.**

Ông **Tán Nghị.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Đình Nam** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nghiệp -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Â, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Â trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và và ông Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 ngày 19/11/2010), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Xuân Phú, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 5/2023 hai vợ chồng tôi sống ly thân, đỉnh điểm đến ngày 22/10/2023 ông Hcó đánh đập tôi gây thương tích tôi phải đi viện và có nhờ công an xã Hòa Sơn can thiệp. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết

được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Mặc dù Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Nguyễn Văn Hcó 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 04/01/2015. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, bà Â có nguyện vọng được tiếp trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Thùy Tr và Nguyễn Hoàng Yến N, yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Tương ứng 1.500.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Â không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H Trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như bà Â trình bày là đúng. Vào năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 ngày 19/11/2010), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không nghiêm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Vì vậy bà Nguyễn Thị Hồng Â yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tôi vẫn còn tình cảm với bà Â nên muốn đoàn tụ.

- Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 04/01/2015. Trường hợp bà Â cương quyết ly hôn thì tôi thống nhất giao 02 con chung Nguyễn Thị Thùy Tr và Nguyễn Hoàng Yến N cho bà Ân nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tương ứng 1.500.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Â. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho bà Nguyễn Thị Hồng Â được ly hôn ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 04/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Hồng Â trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Thị Hồng Â phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Â khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn Xuân Phú, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Â và ông Hòa kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Bà Â xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông H có hành vi đánh đập gây thương tích phải nhờ Công an xã Hòa Sơn can thiệp, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn H cho rằng giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng để dẫn đến việc ly hôn và mong muốn quay về đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con cái. HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông H cũng thừa nhận vợ chồng có mẫu thuẫn. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ nhưng bà Â vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, kiên quyết đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông H. Tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: "*Trong quá trình sống chung, ông H và bà Â có xảy ra mâu thuẫn cãi vã dẫn đến đánh nhau"*. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định mẫu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà Â đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Â đối với ông Nguyễn Văn H.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà Â có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr và Nguyễn Hoàng Yến N. Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà Â đã thỏa thuận về vấn đề nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng như sau: Bà Nguyễn Thị Hồng Â là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thùy Tr và Nguyễn Hoàng Yến N. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Hồng Â phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Â đối với ông Nguyễn Văn H về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng Â được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 04/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Hồng Â trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy Tr số tiền 1.500.000 đồng/tháng (mỗi tháng là 1.500.000 đồng). Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng Yến N số tiền 1.500.000 đồng/tháng (mỗi tháng là 1.500.000 đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Hồng Â phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000581 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà Nguyễn Thị Hồng Â đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Sơn;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phú Đạt